|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2023/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP**

**ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về**

**quản lý hoạt động đường thủy nội địa**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa:**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 như sau:

"2. Thẩm quyền thỏa thuận

Ủy ban nhân dân cấp huyện thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý."

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 như sau:

"1. Thẩm quyền công bố hoạt động

a) Bộ Giao thông vận tải thực hiện công bố hoạt động đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài;

b) Cục Đường thủy nội địa Việt Nam thực hiện công bố hoạt động đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định;

c) Sở Giao thông vận tải thực hiện công bố hoạt động đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định;

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công bố hoạt động đối với bến thủy nội địa trên địa bàn quản lý."

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 18 như sau:

"4. Trình tự công bố hoạt động

Trước khi đưa công trình cảng, bến thủy nội địa vào khai thác, chủ cảng, bến thủy nội địa nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc gửi qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng các hình thức phù hợp khác 01 bộ hồ sơ đề nghị công bố hoạt động theo quy định như sau:

a) Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Nộp hồ sơ đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với cảng thủy nội địa quy định tại điểm b khoản 2 Điều này), Sở Giao thông vận tải (đối với cảng thủy nội địa quy định tại điểm c khoản 2 Điều này) để thẩm định. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Bộ Giao thông vận tải. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định, Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa;

b) Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Nộp hồ sơ đến Cục Đường thuỷ nội địa Việt Nam (nếu thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Nghị định này) hoặc Sở Giao thông vận tải (nếu thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 Nghị định này). Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa;

c) Đối với bến thủy nội địa: Nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định công bố hoạt động bến thủy nội địa;

d) Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến, thành phần hồ sơ là bản chính hoặc  bản sao điện tử các thành phần hồ sơ tương ứng theo quy định tại khoản 2 (đối với hồ sơ đề nghị công bố hoạt động cảng thuỷ nội địa) hoặc khoản 3 (đối với hồ sơ đề nghị công bố hoạt động bến thuỷ nội địa) Điều 18 Nghị định này;

đ) Trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản tổ chức, cá nhân qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.".

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 18 như sau:

"10. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ký quyết định, cơ quan công bố hoạt động cảng, bến thủy nội địa có trách nhiệm gửi quyết định công bố hoạt động cho các cá nhân, tổ chức sau:

a) Chủ đầu tư;

b) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cảng tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài;

c) Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với cảng thủy nội địa);

d) Các cảng vụ đường thủy nội địa, cảng vụ hàng hải (đối với cảng, bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển), Chi cục Đường thuỷ nội địa khu vực liên quan;

d) Sở Giao thông vận tải;

e) Uỷ ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nơi có cảng, bến thuỷ nội địa;

g) Các cơ quan biên phòng, hải quan, y tế (nếu cảng, bến nằm trong khu vực cửa khẩu) và các tổ chức, cá nhân có liên quan.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 20 như sau:

"4. Trình tự công bố lại hoạt động:

a) Việc công bố lại hoạt động cảng, bến thủy nội địa thực hiện theo trình tự công bố hoạt động cảng, bến thủy nội địa quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định này;

b) Trường hợp thay đổi chủ cảng, bến thì chủ mới của cảng, bến phải đề nghị công bố lại hoạt động cảng, bến thủy nội địa trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận cảng, bến thủy nội địa.".

6. Thay thế Mẫu số 13 và Mẫu số 16 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ tương ứng bằng Mẫu số 13 và Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

**Điều 2. Quy định chuyển tiếp**

1. Các văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính và các Quyết định công bố, công bố lại hoạt động bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện đến khi hết thời hạn quy định của văn bản. Hết thời hạn quy định của văn bản, các tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

2. Các hồ sơ đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính và các hồ sơ đề nghị công bố, công bố lại hoạt động bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính, công bố đóng cảng, bến thủy nội địa đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ tiếp tục thực hiện giải quyết theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

3. Trong thời hạn 90 ngày làm việc kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, Sở Giao thông vận tải thực hiện bàn giao hồ sơ đề nghị công bố, công bố lại hoạt động bến thủy nội địa đã được giải quyết về Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có thẩm quyền công bố, công bố lại hoạt động bến thủy nội địa theo quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều 1 Nghị định này. Trong thời gian chưa bàn giao, tiếp nhận hồ sơ, nếu có trường hợp đề nghị công bố lại hoạt động bến thủy nội địa thì Sở Giao thông phối hợp cung cấp trước hồ sơ bến đó cho Ủy ban nhân dân cấp huyện để công bố hoạt động lại bến thủy nội địa.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày .... tháng .... năm 2023.

2. Đối với hình thức thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến qua Cổng dịch vụ công thực hiện từ ngày .... tháng ... năm 2025.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước;  - Ủy ban Giám sát tài chính QG; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; - Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: Văn thư, KTN (3b). | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG**  **Phạm Minh Chính** |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHỤ LỤC**  *(Ban hành kèm theo Nghị định số ..../2021/NĐ-CP ngày .... tháng ... năm .... của Chính phủ)* | |
|  | **Mẫu số 13** |
| **CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CÔNG BỐ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:......./QĐ....... | *..., ngày... tháng... năm....* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố (công bố lại (1)) hoạt động cảng (bến) thủy nội địa**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI (2)**

*Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày ... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;*

*Căn cứ..................................................................................................................................;*

*Xét đơn và hồ sơ đề nghị công bố (công bố lại) cảng (bến) thủy nội địa của.........................................;*

*Theo đề nghị của .................................................................................................................;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố (công bố lại) hoạt động cảng (bến) thủy nội địa

Tại ví trí có tọa độ...........................................................................................................

Từ km thứ...................................... đến km thứ ..............................................................

Trên bờ (phải hay trái)................... sông, kênh) ..............................................................

Thuộc địa phận: xã (phường)......................, huyện (quận) .............................................

Tỉnh (thành phố) .............................................................................................................

Của (tổ chức, cá nhân) ....................................................................................................

Địa chỉ ............................................................................................................................

Số điện thoại...................................... số Fax .................................................................

Loại cảng (bến) .................................................................................................................

Cấp kỹ thuật của cảng ......................................................................................................

Vùng đất của cảng (bến) .................................................................................................

Kết cấu công trình cảng (bến) ..............................................................................................

Được phép tiếp nhận phương tiện có mớn nước... m hoặc trọng tải... tấn; có sức chở... hành khách.

Vùng nước của cảng (bến) theo bình đồ (sơ đồ) vùng nước cảng(bến) do cơ quan, đơn vị thực hiện...... ngày........ tháng....... năm .................................................................................

Thiết bị xếp, dỡ ................................................................................................................

**Điều 2.** Trách nhiệm tổ chức thực hiện

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

**Điều 4.** ..., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 4;  - ...;  - Lưu: VT; ... | **NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN(2)**  *(Ký tên và đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Trường hợp công bố lại hoạt động cảng, bến chỉ ghi những nội dung thay đổi.

(2) Bộ trưởng hoặc là Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Mẫu số 16** |
| **CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CÔNG BỐ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:.../QĐ-... | ..., *ngày..... tháng..... năm...* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố đóng cảng (bến) thủy nội địa**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI (1)**

*Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;*

*Căn cứ ............ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của .......................;*

*Theo đề nghị của.............................................................................................................;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay công bố đóng cảng (bến) thủy nội địa.........................................................

Tại ví trí có tọa độ ...........................................................................................................

Từ km thứ................................ đến km thứ ....................................................................

Trên bờ (phải hay trái).......... sông, kênh ........................................................................

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn)......................, huyện (quận) ................................

Tỉnh (thành phố) .............................................................................................................

Của (tổ chức, cá nhân) ....................................................................................................

Địa chỉ ............................................................................................................................

Số điện thoại............................ số Fax ...........................................................................

Lý do: .............................................................................................................................

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày........ tháng........ năm.................................

**Điều 3.** ..., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - ...;  - Lưu: VT; ... | **NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN  (1)**  *(Ký tên và đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Bộ trưởng hoặc Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Giám đốc Sở Giao thông vận tải hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.